

**THÔNG BÁO**

**Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018  
cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Ang - huyện Ngọc Hồi**

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của UBND xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Hồi và UBND xã Đắk Ang xác nhận;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Ang, cụ thể như sau:

**1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018:** 511.046.004 đồng (Năm trăm mười một triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn, không trăm lẻ bốn đồng).

(có biểu chi tiết kèm theo)

**2. Trách nhiệm của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Ang:**

**2.1.** Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 18/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.

**2.2.** Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng và các quy định khác có liên quan.

**2.3.** Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng (nếu có) theo quy định tại Nghị định số





156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

**2.4.** Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo đề Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Đắk Ang biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Quỹ Bảo vệ và PTR xã Đắk Ang;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Ngọc Hồi;
- Phòng TC-KH huyện Ngọc Hồi;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KHKT. *h*

**GIÁM ĐỐC**



**Hồ Thanh Hoàng**





**THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số 30 /TB-QBVPTR ngày 18/01/2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: UBND xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi.

2. Nội dung chi tiết:

| TT               | Bên sử dụng DVMTR            | Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha) | Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha) | Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha) | Số tiền được chi trả (đồng) |
|------------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
| [1]              | [2]                          | [3]                                | [4]                                 | [5]                                      | [6=4*5]                     |
| <b>Tổng cộng</b> |                              | <b>632,99</b>                      | <b>569,69</b>                       | <b>897.058</b>                           | <b>511.046.004</b>          |
| 1                | Nhà máy thủy điện IaLy       | 632,99                             | 569,69                              | 435.274                                  | 247.971.910                 |
| 2                | Nhà máy thủy điện Sê San 3   | 632,99                             | 569,69                              | 145.447                                  | 82.860.113                  |
| 3                | Nhà máy thủy điện Sê San 3A  | 632,99                             | 569,69                              | 27.792                                   | 15.832.710                  |
| 4                | Nhà máy thủy điện Sê San 4   | 632,99                             | 569,69                              | 152.385                                  | 86.812.364                  |
| 5                | Nhà máy thủy điện Sê San 4A  | 632,99                             | 569,69                              | 20.016                                   | 11.403.176                  |
| 6                | Nhà máy thủy điện Plei Krông | 632,99                             | 569,69                              | 116.143                                  | 66.165.732                  |

7/